



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (84-4) 62733370; Hotline: (+84) 968668198 Website: <http://labo.huph.edu.vn>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: 0124.03-45

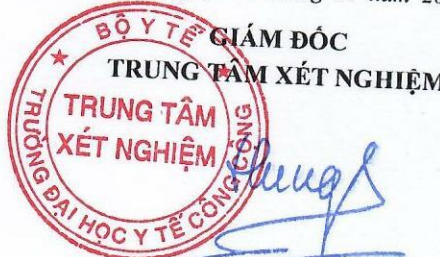
- Tên mẫu/ Name of sample: Mẫu đầu nguồn
- Tên khách hàng/ Name of customer: Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng Việt Thanh
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer: Số 14 Đình Diên, phường An Tảo, TP. Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
- Mô tả mẫu/ Description: Mẫu đựng trong 1 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 03/01/2024
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking: Nguyễn Hữu Cường
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time: 03/01/2024 - 12/01/2024
- Kết quả thử nghiệm/ Test results:

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit
1.	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B:2017	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
2.	Clo dư tự do (*)	SMEWW 4500 Cl G:2017	mg/L	0,32	0,2-1,0
3.	Độ đục (*)	TCVN 12492-1:2020	NTU	<0,1	2
4.	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	<5,0	15
5.	Mùi vị	Cảm quan	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6.	pH (*)	TCVN 6492:2011	-	6,7	6,0-8,5
7.	Sắt (Fe)(*)	SMEWW 3111B:2017	mg/L	KPH (LOD=0,03)	0,3
8.	Mangan (Mn)(*)	SMEWW 3111B:2017	mg/L	KPH (LOD=0,015)	0,1
9.	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)(*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	KPH (LOD=0,03)	0,3
10.	E. coli (*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	<1
11.	Coliform tổng số (*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	<3

Ghi chú:
Giới hạn tối đa cho phép được quy định theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt),
KPH: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp,
LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp,
Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

KHOA KIỂM NGHIỆM
THỰC PHẨM - MÔI TRƯỜNG
Quản lý kỹ thuật

Hà Nội, ngày 12 tháng 01 năm 2024



Ths. Đỗ Thị Tuyết Chinh

Ths. Vũ Thị Cúc

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as requested.
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản để lưu hồ sơ và 01 bản để gửi khách hàng/ This test report is made in 02 copies: 01 copy to keep the file and 01 copy to send to the customer.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



VILAS 1008

Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (84-4) 62733370; Hotline: (+84) 968668198 Website: <http://labo.huph.edu.vn>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: 0124.03-45

- Tên mẫu/ Name of sample: Mẫu đầu nguồn
- Tên khách hàng/ Name of customer: Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng Việt Thanh
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer: Số 14 Đình Diên, phường An Tảo, TP. Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
- Mô tả mẫu/ Description: Mẫu đựng trong 1 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 03/01/2024
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking: Nguyễn Hữu Cường
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time: 03/01/2024 - 12/01/2024
- Kết quả thử nghiệm/ Test results:

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit
1.	Arsenic (As) ^(*)	SMEWW 3113B:2017	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
2.	Clo dư tự do ^(*)	SMEWW 4500 Cl G:2017	mg/L	0,32	0,2-1,0
3.	Độ đục ^(*)	TCVN 12492-1:2020	NTU	<0,1	2
4.	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	<5,0	15
5.	Mùi vị	Cảm quan	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6.	pH ^(*)	TCVN 6492:2011	-	6,7	6,0-8,5
7.	Sắt (Fe) ^(*)	SMEWW 3111B:2017	mg/L	KPH (LOD=0,03)	0,3
8.	Mangan (Mn) ^(*)	SMEWW 3111B:2017	mg/L	KPH (LOD=0,015)	0,1
9.	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	KPH (LOD=0,03)	0,3
10.	E. coli ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	<1
11.	Coliform tổng số ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	<3

Ghi chú:

Giới hạn tối đa cho phép được quy định theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt),

KPH: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp,

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp,

Các chỉ tiêu đánh dấu^(*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

KHOA KIỂM NGHIỆM
THỰC PHẨM - MÔI TRƯỜNG
Quản lý kỹ thuật

Hà Nội, ngày 12 tháng 01 năm 2024

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM



Chu

V

Ths. Đỗ Thị Tuyết Chinh

Ths. Vũ Thị Cúc

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại đơn vị thử nghiệm/ The test results are printed in 02 documents; 01 document is given to customer; 01 document is stored at the testing organization.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



VILAS 1008

Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (84-4) 62733370; Hotline: (+84) 968668198 Website: <http://labo.huph.edu.vn>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: 0124.03-47

- Tên mẫu/ Name of sample: Mẫu lấy tại căn hộ pt1.vt 07 Vinhomes Ocean Park 3 Văn Giang
- Tên khách hàng/ Name of customer: Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng Việt Thanh
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer: Số 14 Đình Diên, phường An Tảo, TP. Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
- Mô tả mẫu/ Description: Mẫu đựng trong 1 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 03/01/2024
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking: Nguyễn Hữu Cường
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time: 03/01/2024 - 12/01/2024
- Kết quả thử nghiệm/ Test results:

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit
1.	Arsenic (As) ^(*)	SMEWW 3113B:2017	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
2.	Clo dư tự do ^(*)	SMEWW 4500 Cl G:2017	mg/L	0,25	0,2-1,0
3.	Độ đục ^(*)	TCVN 12492-1:2020	NTU	<0,1	2,
4.	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	<5,0	15
5.	Mùi vị	Cảm quan	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6.	pH ^(*)	TCVN 6492:2011	-	6,9	6,0-8,5
7.	Sắt (Fe) ^(*)	SMEWW 3111B:2017	mg/L	KPH (LOD=0,03)	0,3
8.	Mangan (Mn) ^(*)	SMEWW 3111B:2017	mg/L	KPH (LOD=0,015)	0,1
9.	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	KPH (LOD=0,03)	0,3
10.	E. coli ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	<1
11.	Coliform tổng số ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	<3

Ghi chú:

Giới hạn tối đa cho phép được quy định theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt),

KPH: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp,

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp,

Các chỉ tiêu đánh dấu ^(*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

Hà Nội, ngày 12 tháng 01 năm 2024

KHOA KIỂM NGHIỆM
THỰC PHẨM - MÔI TRƯỜNG
Quản lý kỹ thuật



Ths. Đỗ Thị Tuyết Chinh

Ths. Vũ Thị Cúc

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại đơn vị thử nghiệm/ The test results are printed in 02 documents; 01 document is given to customer; 01 document is stored at the testing organization.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (84-4) 62733370; Hotline: (+84) 968668198 Website: <http://labo.huph.edu.vn>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: 0124.03-47

- Tên mẫu/ Name of sample: Mẫu lấy tại căn hộ pt1.vt 07 Vinhomes Ocean Park 3 Văn Giang
- Tên khách hàng/ Name of customer: Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng Việt Thanh
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer: Số 14 Đình Diên, phường An Tảo, TP. Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
- Mô tả mẫu/ Description: Mẫu đựng trong 1 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 03/01/2024
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking: Nguyễn Hữu Cường
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time: 03/01/2024 - 12/01/2024
- Kết quả thử nghiệm/ Test results:

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit
1.	Arsenic (As) ^(*)	SMEWW 3113B:2017	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
2.	Clo dư tự do ^(*)	SMEWW 4500 Cl G:2017	mg/L	0,25	0,2-1,0
3.	Độ đục ^(*)	TCVN 12492-1:2020	NTU	<0,1	2
4.	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	<5,0	15
5.	Mùi vị	Cảm quan	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6.	pH ^(*)	TCVN 6492:2011	-	6,9	6,0-8,5
7.	Sắt (Fe) ^(*)	SMEWW 3111B:2017	mg/L	KPH (LOD=0,03)	0,3
8.	Mangan (Mn) ^(*)	SMEWW 3111B:2017	mg/L	KPH (LOD=0,015)	0,1
9.	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	KPH (LOD=0,03)	0,3
10.	E. coli ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	<1
11.	Coliform tổng số ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	<3

Ghi chú:

Giới hạn tối đa cho phép được quy định theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt),

KPH: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp,

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp,

Các chỉ tiêu đánh dấu ^(*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

Hà Nội, ngày 12 tháng 01 năm 2024

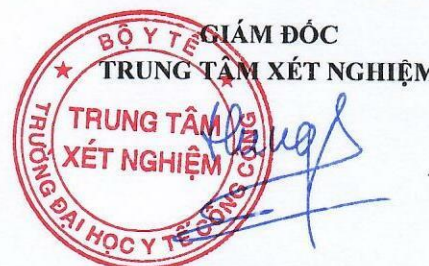
KHOA KIỂM NGHIỆM
THỰC PHẨM - MÔI TRƯỜNG
Quản lý kỹ thuật

Chu

Ths. Đỗ Thị Tuyết Chinh

V

Ths. Vũ Thị Cúc



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại đơn vị thử nghiệm/ The test results are printed in 02 documents; 01 document is given to customer; 01 document is stored at the testing organization.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (84-4) 62733370; Hotline: (+84) 968668198 Website: <http://labo.huph.edu.vn>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: 0124.03-46

- Tên mẫu/ Name of sample: Mẫu giữa nguồn tại hộ : Đào Xuân Oanh, Đội 9, xã Vĩnh Phúc
- Tên khách hàng/ Name of customer: Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng Việt Thanh
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer: Số 14 Đình Điền, phường An Tảo, TP. Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
- Mô tả mẫu/ Description: Mẫu đựng trong 1 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 03/01/2024
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking: Nguyễn Hữu Cường
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time: 03/01/2024 - 12/01/2024
- Kết quả thử nghiệm/ Test results:

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit
1.	Arsenic (As) ^(*)	SMEWW 3113B:2017	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
2.	Clo dư tự do ^(*)	SMEWW 4500 Cl G:2017	mg/L	0,28	0,2-1,0
3.	Độ đục ^(*)	TCVN 12492-1:2020	NTU	<0,1	2
4.	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	<5,0	15
5.	Mùi vị	Cảm quan	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6.	pH ^(*)	TCVN 6492:2011	-	6,7	6,0-8,5
7.	Sắt (Fe) ^(*)	SMEWW 3111B:2017	mg/L	KPH (LOD=0,03)	0,3
8.	Mangan (Mn) ^(*)	SMEWW 3111B:2017	mg/L	KPH (LOD=0,015)	0,1
9.	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	<0,08	0,3
10.	E. coli ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	<1
11.	Coliform tổng số ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	<3

Ghi chú:

Giới hạn tối đa cho phép được quy định theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt).

KPH: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp.

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

Hà Nội, ngày 12 tháng 01 năm 2024

KHOA KIỂM NGHIỆM
THỰC PHẨM - MÔI TRƯỜNG
Quản lý kỹ thuật

Ths. Đỗ Thị Tuyết Chinh

Ths. Vũ Thị Cúc



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại đơn vị thử nghiệm/ The test results are printed in 02 documents: 01 document is given to customer, 01 document is stored at the unit.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (84-4) 62733370; Hotline: (+84) 968668198 Website: <http://labo.huph.edu.vn>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: 0124.03-46

- Tên mẫu/ Name of sample: Mẫu giữa nguồn tại hộ : Đào Xuân Oanh, Đội 9, xã Vĩnh Phúc
- Tên khách hàng/ Name of customer: Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng Việt Thanh
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer: Số 14 Đình Diên, phường An Tảo, TP. Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
- Mô tả mẫu/ Description: Mẫu đựng trong 1 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 03/01/2024
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking: Nguyễn Hữu Cường
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time: 03/01/2024 - 12/01/2024
- Kết quả thử nghiệm/ Test results:

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit
1.	Arsenic (As) ^(*)	SMEWW 3113B:2017	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
2.	Clo dư tự do ^(*)	SMEWW 4500 Cl G:2017	mg/L	0,28	0,2-1,0
3.	Độ đục ^(*)	TCVN 12492-1:2020	NTU	<0,1	2
4.	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	<5,0	15
5.	Mùi vị	Cảm quan	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6.	pH ^(*)	TCVN 6492:2011	-	6,7	6,0-8,5
7.	Sắt (Fe) ^(*)	SMEWW 3111B:2017	mg/L	KPH (LOD=0,03)	0,3
8.	Mangan (Mn) ^(*)	SMEWW 3111B:2017	mg/L	KPH (LOD=0,015)	0,1
9.	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	<0,08	0,3
10.	E. coli ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	<1
11.	Coliform tổng số ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	KPH	<3

Ghi chú:

Giới hạn tối đa cho phép được quy định theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt),

KPH: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp,

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp,

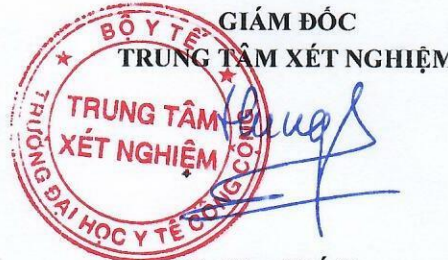
Các chỉ tiêu đánh dấu ^(*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

Hà Nội, ngày 12 tháng 01 năm 2024

KHOA KIỂM NGHIỆM
THỰC PHẨM - MÔI TRƯỜNG
Quản lý kỹ thuật

Ths. Đỗ Thị Tuyết Chinh

Ths. Vũ Thị Cúc



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại đơn vị thử nghiệm/ The test results are printed in 02 documents; 01 document is given to customer; 01 document is stored at the testing organization.